

Bài văn mẫu Nghị luận tác phẩm Đại cáo bình Ngô Văn 10 tuyển chọn, hay nhất sẽ giúp các em học sinh đưa ra các lập luận, lý lẽ chính xác và ý nghĩa nhất để hoàn thành xuất sắc bài viết của mình.

### ***Dàn ý Nghị luận tác phẩm Đại cáo bình Ngô Văn 10 chi tiết nhất***

#### **Mở bài**

Dẫn dắt vấn đề cần nghị luận: tác phẩm “Bình Ngô Đại Cáo” của Nguyễn Trãi.

#### **Thân bài**

Giới thiệu tác giả, tác phẩm

- Tác giả: Nguyễn Trãi là nhà quân sự tài ba, là nhà thơ với sự nghiệp sáng tác đồ sộ.
- Tác phẩm: “Bình Ngô Đại Cáo” tựa bản tuyên ngôn hùng hồn của dân tộc được viết vào khoảng cuối năm 1428..

Nghị luận tác phẩm

#### **b.1. Tiền đề lí luận**

\* Tư tưởng nhân nghĩa:

– Nhân nghĩa trong tư tưởng Nho giáo: mối quan hệ giữa người với người trên cơ sở tình thương và đạo lí.

– Nhân nghĩa trong tư tưởng Nguyễn Trãi:

+ Kế thừa tư tưởng Nho giáo: làm cho dân hạnh phúc (“yên dân”).

+ Tư tưởng mới: vì dân mà trừ bạo tàn (“trừ bạo”)

-> Tư tưởng nhân nghĩa không bị bó hẹp trong phạm vi Nho giáo mà được mở rộng ra. Phân biệt rõ ràng ta là chính nghĩa, giặc Minh là phi nghĩa.

\* Chân lí về độc lập dân tộc

– Dẫn chứng thuyết phục: văn hiến lâu đời, lãnh thổ riêng, phong tục phong phú, lịch sử lâu đời.

- > Khẳng định tư cách độc lập là chân lí không thể chối cãi.
- Từ ngữ: “từ trước”, “đã lâu”, “vốn xung”, “đã chia”
- > Khẳng định sự tồn tại hiển nhiên của đất nước ta.
- Thái độ của Nguyễn Trãi:
  - + So sánh ngang bằng triều đại Đại Việt và Trung Hoa.
  - + Gọi vua Đại Việt là “Đế” (vua phương Bắc trước nay chỉ gọi ta là Vương)
- > Ý thức chủ quyền độc lập cao độ.
- Phép liệt kê: Lư Cung, Triệu Tiết, Toa Đô,...
- > Lời cảnh cáo đanh thép về kết cục của kẻ chống lại chân lí.

## b.2. Soi chiếu lí luận vào thực tiễn

### \* Tội ác của giặc Minh:

- Xâm lược: bịp bợm với ý đồ cướp nước ta (“nhân”, “thừa cơ”)
- Bóc lột nhân dân:
  - + Tàn sát người vô tội (“nướng dân đen”, “vùi con đỏ”)
  - + Vơ vét tài nguyên nước ta.
  - + Phá hoại môi trường, tự nhiên sinh thái của ta.
- > Hình ảnh kẻ thù đối lập với nhân dân ta.
- > Nổi xót xa với nhân dân và căm phẫn với kẻ thù.

### \* Lòng căm thù giặc của nhân dân:

- Nghệ thuật phóng đại: “Trúc Năm Sơn... rửa sạch mùi”
- > Ví sự tội ác giặc với sự vô cùng của tự nhiên.
- Câu hỏi tu từ: “Lẽ nào... chịu được”

-> Thái độ căm phẫn của nhân dân.

### b.3. Diễn biến cuộc khởi nghĩa

\*Hình tượng người anh hùng Lê Lợi:

– Xuất thân: nông dân.

– Căn cứ khởi nghĩa: “núi Lam Sơn dấy nghĩa”

– Lòng căm thù giặc sâu sắc: “căm giặc nước thề không cùng sống”

– Lí tưởng lớn, biết trọng người tài: “Tấm lòng cứu nước...dành phía tả”

-> Lê Lợi hiện lên vừa bình dị vừa có cốt cách của bậc anh hùng.

\*Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn:

– Giai đoạn đầu:

+ Khó khăn về vật dụng quân trang cũng như lương thực thực phẩm.

+ Tinh thần của quân và dân: gắng chí, quyết tâm.

– Giai đoạn phản công và giành thắng lợi: biện pháp liệt kê tái hiện không khí chiến đấu sôi sục và sự chiến thắng giòn giã của ta.

– Sự thất bại nhục nhã của giặc:

+ Cởi áo giáp xin hàng (Thượng Hoàng Thư Phúc)

+ Nghệ thuật phóng đại: “thây chất đầy nội, nhơ để ngàn năm”

– Cách ứng xử nhân đạo của quân ta: “Thần vũ chẳng giết hại...nghỉ sức”

-> Niềm tự hào, tự tôn dân tộc sâu sắc của Nguyễn Trãi.

### b.4. Niềm tin của nhân

– Tuyên bố đất nước hòa bình, mở ra kỉ nguyên mới.

– Giọng điệu hào sảng -> Niềm tin của Nguyễn Trãi.

– Hình ảnh về tương lai đất nước: “xã tắc từ đây...vững chắc”

-> Lòng lạc quan về sự nghiệp xây dựng đất nước.

Tổng kết

- Nội dung: Tác phẩm khẳng định chân lí độc lập của dân tộc và thay mặt vua Lê, tuyên cáo thành lập triều đại mới.
- Nghệ thuật: thể cáo được vận dụng tài tình, kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất chính trị và chất văn chương, biện pháp liệt kê, phóng đại,...

**Kết bài**

Khẳng định giá trị của tác phẩm “Bình Ngô Đại Cáo” và tài năng của Nguyễn Trãi.

***Bài văn mẫu lớp 10 Nghị luận tác phẩm Đại cáo bình Ngô hay nhất***

Tham khảo ngay những bài làm văn mẫu Nghị luận tác phẩm Đại cáo bình Ngô ý nghĩa, sâu sắc nhất làm tài liệu tham khảo cho các em học sinh chuẩn bị tốt cho bài kiểm tra sắp tới tại đây:

**Nghị luận tác phẩm Đại cáo bình Ngô Ngữ Văn lớp 10 mẫu 1**

Trong dòng văn học ca ngợi truyền thống yêu nước xuyên suốt lịch sử văn học Việt Nam, “Bình Ngô đại cáo” của Nguyễn Trãi được đánh giá là áng “thiên cổ hùng văn”, là bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của dân tộc, được các thế hệ người Việt luôn yêu thích, tự hào.

"Bình Ngô đại cáo" được Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi viết vào khoảng đầu năm 1428, khi cuộc kháng chiến chống Minh xâm lược của nghĩa quân Lam Sơn đã thắng lợi, quân Minh buộc phải kí hòa ước, rút quân về nước, nước ta bảo toàn được nền độc lập tự chủ, hòa bình. Nguyễn Trãi (1380-1442) là một anh hùng dân tộc, là người toàn tài hiếm có trong lịch sử các triều đại phong kiến Việt Nam. Ông có công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Minh đồng thời cũng là nhà thơ trữ tình sâu sắc, nhà văn chính luận kiệt xuất, là cây đại thụ đầu tiên của văn học trung đại Việt Nam.

Tác phẩm “Bình Ngô đại cáo” được Nguyễn Trãi viết theo thể cáo, một thể văn có nguồn gốc từ Trung Hoa, viết bằng chữ Hán, thuộc thể văn hùng biện chính luận, có nội dung thông báo một chính sách, một sự kiện trọng đại liên quan đến quốc gia dân tộc, công báo trước toàn dân. Nhan đề tác phẩm có Ý nghĩa là bài cáo trọng đại tuyên bố về việc dẹp yên giặc Ngô-một tên gọi hàm ý khinh bỉ cầm thù

giặc Minh xâm lược. Bài cáo có bố cục chặt chẽ mạch lạc, viết theo lối biên ngẫu, vận dụng thể tứ lục, sử dụng hệ thống hình tượng sinh động, gợi cảm.

Bài cáo gồm bốn đoạn. Đoạn đầu nêu cao luận đề chính nghĩa của cuộc kháng chiến, đó là tư tưởng nhân nghĩa kết hợp với độc lập dân tộc: “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân-Quân điều phạt trước lo trừ bạo” và “Nhu nước Đại Việt ta từ trước-Vốn xưng nền văn hiến đã lâu”. Đoạn thứ hai của bài cáo đã vạch trần, tố cáo tội ác dã man của giặc Minh xâm lược. Đoạn văn là bản cáo trạng đanh thép, tố cáo giặc Minh ở các điểm: âm mưu cướp nước, chủ trương cai trị phản nhân đạo, hành động tàn sát tàn bạo. Đồng thời, đoạn văn cũng nêu bật nỗi thống khổ, khốn cùng của nhân dân, dân tộc ta dưới ách thống trị của kẻ thù: “Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn-Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ”; “Dối trời, lừa dân, đủ muôn nghìn kế-Gây binh kết oán, trải hai mươi năm”. Đoạn văn ngùn ngụt Ý chí căm thù giặc và thống thiết nỗi thương dân lâm than. Đoạn văn thứ ba là đoạn dài nhất của bài cáo, có Ý nghĩa như bản anh hùng ca về cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Đoạn văn đã tổng kết lại quá trình khởi nghĩa. Ban đầu cuộc khởi nghĩa gặp nhiều khó khăn, lương thảo, quân sĩ, người tài đều thiếu, nghĩa quân ở vào thế yếu “Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần-Khi Khôi Huyện quân không một đội”, “Tuần kiệt như sao buổi sớm-Nhân tài như lá mùa thu”, “lấy yếu thắng mạnh, lấy ít địch nhiều”... Nhưng nghĩa quân có người lãnh tụ Lê Lợi sáng suốt, bền chí, yêu nước “Ngẫm thù lớn há đội trời chung-Căm giặc nước thề không cùng sống”, biết đoàn kết lòng dân “Sĩ tốt một lòng phụ tử-Hòa nước sông chén rượu ngọt ngào”, dùng chiến thuật phù hợp nên nghĩa quân Lam Sơn ngày một trưởng thành “Sĩ khí đã hăng, quân thanh càng mạnh” và ngày càng chiến thắng giòn giã, vang dội “Đánh một trận sạch không kình ngạc-Đánh hai trận tan tác chim muông”, giặc Minh thì liên tiếp thất bại, thất bại sau lại càng thảm hại hơn thất bại trước, mỗi tên tướng giặc bại trận lại có vết nhục nhã riêng: kẻ treo cổ tự vẫn, kẻ quỳ gối dâng tờ tạ tội, kẻ bị bêu đầu... Đoạn văn thứ ba của bài cáo cũng ca ngợi lòng nhân đạo, chuông hòa bình của nhân dân, dân tộc ta, tha sống cho quân giặc đã đầu hàng, lại cấp cho chúng phương tiện, lương thảo về nước. Đoạn cuối của bài cáo đã tuyên bố trịnh trọng về việc kết thúc chiến tranh, khẳng định nền độc lập, hòa bình vững bền của đất nước, thể hiện niềm tin vào tương lai tươi sáng của dân tộc.

Bài cáo có sự kết hợp hài hòa, hiệu quả giữa yếu tố chính luận sắc bén với yếu tố văn chương truyền cảm, kết hợp giữa lí luận chặt chẽ và hình tượng nghệ thuật sinh động. Cảm hứng nổi bật xuyên suốt tác phẩm là cảm hứng anh hùng ca hào hùng sôi nổi, mãnh liệt. Giọng điệu của bài cáo rất đa dạng, khi tự hào về truyền thống văn hóa, anh hùng lâu đời của dân tộc, khi thì căm phẫn sục sôi trước tội ác của kẻ thù, khi thống thiết xót thương trước nỗi đau lâm than của nhân dân, khi lo lắng trước những khó khăn của cuộc kháng chiến, khi hào hùng ngợi ca chiến thắng, khi trịnh trọng tuyên bố độc lập của dân tộc, đất nước.

“Đại cáo bình Ngô” của Nguyễn Trãi là bản anh hùng ca ca ngợi chiến thắng vĩ đại của dân tộc ta thế kỉ XV. Tác phẩm vừa có giá trị lịch sử, vừa có giá trị văn học, không chỉ lưu giữ những sự kiện lịch sử mà còn lưu truyền lòng yêu nước tự hào dân tộc đến các thế hệ người Việt Nam. Mỗi người dân Việt Nam ngày nay đều hào sảng trước những câu văn hùng hồn

## Văn mẫu lớp 10 Nghị luận tác phẩm Đại cáo bình Ngô mẫu 2

Mùa xuân năm 1428, sau khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Minh xâm lược, Nguyễn Trãi thay Bình Định Vương Lê Lợi thảo bản “Cáo Bình Ngô” để tuyên bố sự thắng lợi của dân tộc. Bài cáo đã khẳng định chủ quyền, độc lập, tự tôn dân tộc rất rõ ràng, khí thế căm đờc coi là bản tuyên ngôn độc lập thứ hai của dân tộc sau “Sông núi nước Nam” của Lý Thường Kiệt.

Từng nghe:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân,

Quân điếu phạt trước lo trừ bạo;

Điều đầu tiên mà Nguyễn Trãi nhắc tới ở bài cáo là tư tưởng “nhân nghĩa”. Nhân nghĩa là lễ nghĩa, nghĩa tình của một con người, nâng lên thành tư tưởng chính là cách đối nhân xử thế của một con người thực thụ, mà ở đây là cốt ở “yên dân”. Đây được coi là một tư tưởng mới, thấm nhuần nội dung tiến bộ của đạo Nho gia, đó là lấy dân làm gốc. Hơn ai hết, ông hiểu rằng, không gì quan trọng hơn là lo cho nhân dân một cuộc sống ấm no, yên ổn. Bởi nhân dân chính là cái gốc của một dân tộc, một dân tộc không có dân thì không gọi là dân tộc, nhân dân sẽ là yếu tố quyết định số phận cả một dân tộc: “Đẩy thuyền là dân, lật thuyền là dân”. Xuất phát từ tư tưởng ấy, mọi hành động đều là vì sự no ấm của dân, mà muốn dân yên ổn, phải trừ được bạo tàn chính là bè lũ bán nước và cướp nước. Phải dẹp gọn giặc xâm lấn, nhân dân mới được hưởng thái bình, sung túc. Tư tưởng ấy không chỉ còn là tư tưởng đạo đức mà đã nâng lên thành chân lí bất di bất dịch. Từ đó, ông đưa ra nhân nghĩa còn gắn với bảo vệ độc lập, khẳng định chủ quyền dân tộc:

Như nước Đại Việt ta từ trước,

Vốn xưng nền văn hiến đã lâu,

Nước non bờ cõi đã chia,

Phong tục Bắc Nam cũng khác;

Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần; bao đời xây nền độc lập;  
Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên; mỗi bên đế một phương;  
Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau,  
Song hào kiệt thời nào cũng có.

Nếu Lý Thường Kiệt khẳng định sự độc tôn dân tộc bằng sách trời thì Nguyễn Trãi đã khẳng định nước Đại Việt ta là một nước hoàn toàn độc lập, tự chủ với một nền văn hiến và có lãnh thổ riêng. Chúng ta và phương Bắc khác nhau về những phong tục, tập quán, văn hóa truyền thống và có cả lịch sử, nhân tài. Núi sông bờ cõi cũng đánh dấu rõ ràng ranh giới lãnh thổ, không có gì chúng nhận nước ta là một phần của chúng. Phương Bắc có chúa, Đại Việt cũng có vua, từng thời điểm lịch sử qua cũng có những thời đại riêng sánh ngang với những thời đại lớn ở phương Bắc. Một đất nước có đủ mọi phương diện về văn hiến và lãnh thổ, chính là một đất nước độc lập không thể chối cãi, chính vì vậy, việc xâm lược của các nước phương Bắc đối với Đại Việt là sai trái, trái với nhân nghĩa.

Cho nên:

Lưu Cung tham công nên thất bại;

Triệu Tiết chí lớn phải vong thân;

Cửa Hàm Tử bắt sống Toa Đô

Sông Bạch Đằng giết tươi Ô Mã

Việc xưa xem xét.

Chứng cứ còn ghi.

Ông còn tự hào chỉ ra rõ ràng những tên tuổi, địa danh, những vết tích ô nhục của quân địch phải chịu khi xâm lược vào bờ cõi nước ta, lịch sử về việc chúng thảm bại dưới gươm chính nghĩa của nhân dân Đại Việt vẫn còn đó, chứng cứ còn rõ ràng hơn ban ngày. Điều đó đã khẳng định chúng là quân hiểm ác nhất định sẽ thất bại dưới chúng ta. Vậy mà, chúng vẫn không chịu đầu hàng:

Vừa rồi:

Nhân họ Hồ chính sự phiền hà

Đề trong nước lòng dân oán hận

Quân cuồng Minh thừa cơ gây loạn

Rồi, nhân đó, ông chỉ ra những nỗi khổ mà nhân dân phải chịu đựng khi chính sự rối ren:

Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn

Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ

Dối trời lừa dân đủ muôn ngàn kế

Gây thù kết oán trải mấy mươi năm

Bại nhân nghĩa nát cả đất trời

Nặng thuế khóa sạch không đầm núi.

Người bị ép xuống biển dòng lưng mò ngọc,

Ngán thay cá mập thuồng luồng.

Kẻ bị đem vào núi đãi cát tìm vàng,

Khốn nỗi rừng sâu nước độc.

Vét sản vật, bắt dò chim sẻ, chồn chồn lưới chăng.

Nhiều nhân dân, bắt bẫy hươu đen, nơi nơi cạm đặt.

Tàn hại cả giống côn trùng cây cỏ,

Nheo nhóc thay kẻ góa bụa khốn cùng.

Thằng há miệng, đứa nhe răng,

Máu mỡ bấy no nê chưa chán,

Nay xây nhà, mai đắp đất,

Chân tay nào phục dịch cho vừa?



Ông gọi nhân dân là “dân đen, con đỏ” thể hiện sự thương yêu, xót xa khôn cùng. Ông vạch ra tội ác của bọn xâm lăng, đi đến đâu là vùi chôn nhân dân trong lửa, trong máu, những việc tàn nhẫn như chôn sống, dối lừa, bắt thuế, bắt người xuống biển đi mò sản vật, lên rừng săn quý hiếm,... Những việc làm của chúng làm cho nhân dân không những không thể sống yên ổn mà còn chịu biết bao khổ sở đau đớn, người mất mạng vô số, kẻ làm than ở khắp nơi. Trong mắt nhân dân chúng chỉ như những con quỷ khát máu khát thịt lúc nào cũng nhe nanh đòi máu, đi mỡ, là những kẻ tội đồ mà:

Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,

Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi!

Những cụm từ được đặt lên đầu câu nhấn mạnh vào sự căm hờn vô tả của Nguyễn Trãi đối với tội ác của bọn xâm lăng, những tội ác ấy không sao kể xuể, không gì rửa sạch được, không có ngòi bút nào kể hết, không nước ở đâu rửa sạch được máu mà chúng ta ấy lên đất Đại Việt. Sự tàn nhẫn và tội ác mà chúng để lại cho dân tộc ta đã chất nhiều vô kể, khiến cho:

Lòng người đều căm giận,

Trời đất chẳng dung tha;

Những lời sau là Nguyễn Trãi nói thay lời Lê Lợi:

Ta đây:

Núi Lam Sơn dấy nghĩa

Chốn hoang dã nương mình

Ngẫm thù lớn há đội trời chung

Căm giặc nước thề không cùng sống

Đau lòng nhức óc, chốc đà mười mấy năm trời

Ném mật nằm gai, há phải một hai sớm tối.

Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh,

Ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ

Những trần trọc trong cơn mộng寐,

Chỉ bản khoán một nỗi đờ hời

Vừa khi cờ nghĩa dấy lên,

Chính lúc quân thù đang mạnh.

Ở đoạn này, Nguyễn Trãi tập trung chủ yếu vào việc miêu tả hình ảnh của Lê Lợi. Bắt đầu từ lòng căm thù đối với bè lũ bán nước và cướp nước khiến cho nhân dân ta lầm than, đến việc quyết định dấy binh khởi nghĩa, chịu bao nhiêu khó khăn nhưng vẫn kiên trì theo đuổi, bao nhiêu đêm trần trọc, mất ngủ cũng đều là vì việc quân việc nước. Đúng là một chủ tướng vừa có tâm vừa có tài, hết lòng vì đại cuộc, với nhân dân lúc này chính là cần một người thủ lĩnh như vậy để dẫn dắt họ đứng lên đấu tranh đánh đuổi những tên xấu xa ra khỏi đất nước, giữ yên bờ cõi, giữ yên cuộc sống yên ổn, ấm no.

Lại ngật vì:

Tuần kiệt như sao buổi sớm,

Nhân tài như lá mùa thu,

Việc bôn tẩu thiếu kẻ đỡ đàn,

Nơi duy ác hiểm người bàn bạc,

Tấm lòng cứu nước,

Vẫn dăm dăm muốn tiến về Đông,

Cỗ xe cầu hiền,

Thường chăm chăm còn dành phía tả.

Thế mà:

Trông người, người càng vắng bóng,

Mặt mù như nhìn chôn bể khơi.

Tự ta, ta phải dốc lòng,

Vội vã hơn cứu người chết đuối.

Phản vì giận quân thù ngang dọc,

Phản vì lo vận nước khó khăn,

Khi Linh Sơn lương hết mấy tuần,

Lúc Khôi Huyện quân không một đội.

Trời thử lòng trao cho mệnh lớn

Ta gắng trí khắc phục gian nan.

Nhân dân bốn cõi một nhà,

Dựng cần trúc ngọn cờ phấp phới

Tướng sĩ một lòng phụ tử,

Hòa nước sông chén rượu ngọt ngào.

Thế trận xuất kỳ, lấy yếu chống mạnh,

Dùng quân mai phục, lấy ít địch nhiều.

Tình thần thì kì vĩ nhưng khó khăn cũng không kém đồ sộ. Buổi đầu của cuộc kháng chiến gặp rất nhiều khó khăn, vất vả, không thể chiêu dụ người tài, đất nước lại đang nhiều khó khăn, quân địch thì đang lúc mạnh nhất, khó đủ mọi bề. Nhưng nhờ vào sự đoàn kết của binh lính, coi nhau như ruột thịt, dốc lòng vì cuộc kháng chiến nên bao trận chiến ác liệt nổ ra, dân ta lấy ít địch nhiều nhưng lòng vẫn hồ hởi tự tin vào chiến thắng cuối cùng.

Trọn hay:

Đem đại nghĩa để thắng hung tàn,

Lấy chí nhân để thay cường bạo

Dân ta chính là đại nghĩa, bọn xâm lược chính là hung tàn, câu thơ đối cực hay làm nổi bật sự khác biệt giữa ta và địch, đó chính là lí do, ta tất thắng. Vì thế mà những trận đánh trở nên ngày càng quyết liệt, hăng say:

Sĩ khí đã hăng quân thanh càng mạnh.

Trần Trí, Sơn Thọ nghe hơi mà mắt vĩa,

Lý An, Phương Chính, nín thở cầu thoát thân.

Thừa thắng đuổi dài, Tây Kinh quân ta chiếm lại,

Tuyển binh tiến đánh, Đông Đô đất cũ thu về.

Ninh Kiều máu chảy thành sông, tanh hôi vạn dặm

Tụy Động thây chất đầy nội, nhơ để ngàn năm.

Phúc tâm quân giặc: Trần Hiệp đã phải bêu đầu

Mọt gian kẻ thù: Lý Lượng cũng đành bỏ mạng.

Vương Thông gỡ thế nguy,

Mà đám lửa cháy lại càng cháy

Mã Anh cứu trận đánh

Mà quân ta hăng lại càng hăng.

Bó tay để đợi bại vong,

Giặc đã trí cùng lực kiệt,

Chẳng đánh mà người chịu khuất,

Ta đây mưu phạt tâm công.

Tưởng chúng biết lẽ ăn năn

Nên đã thay lòng đổi dạ

Ngờ đâu vẫn đương mưu tính

Lại còn chuốc tội gây oan.

Giữ ý kiên một người,

Gieo và cho bao nhiêu kẻ khác,

Tham công danh một lúc,

Để cười cho tất cả thế gian.

Những trận đánh quyết liệt được chỉ ra hết sức tự hào, thể hiện chí khí ngút trời và tinh thần không chịu lùi của quân và dân. Nhưng quân ta càng mưu trí, hãnh diện bao nhiêu, lũ cướp nước càng đê hèn bấy nhiêu;

Bởi thế:

Thằng nhãi con Tuyên Đức động binh không ngừng

Đồ nhút nhát Thạnh, Thăng đem dầu chữa cháy

Đình mùi tháng chín,

Liễu Thăng đem binh từ Khâu Ôn kéo lại

Năm ấy tháng mười,

Mộc Thạnh chia đường từ Vân Nam tiến sang.

Ta trước đã điều binh thủ hiểm,

Chặt mũi tiên phong

Sau lại sai tướng chẹn đường

Tuyệt nguồn lương thực

Rồi những chiến thắng đến bắt đầu dồn dập như vũ bão, báo hiệu sự toàn thắng của quân và dân ta:

Ngày mười tháng tám, trận Chi Lăng, Liễu Thăng thất thế

Ngày hai mươi, trận Mã Yên, Liễu Thăng cụt đầu

Ngày hăm lăm, bá tước Lương Minh đại bại tử vong

Ngày hăm tám, thượng thư Lý Khánh cùng kẻ tỵ vẫn.

Tiếp đó, Nguyễn trãi chuyển bài cáo sang không khí trận mạc, qua đó ta thấy được hình ảnh oai dũng của quân và dân ta trên chiến trường, đánh cho quân giặc không còn manh giáp:

Sĩ tốt kén người hùng hổ

Bè tôi chọn kẻ vuốt nanh

Gươm mài đá, đá núi cũng mòn

Voi uống nước, nước sông phải cạn.

Đánh một trận, sạch không kình ngạc

Đánh hai trận tan tác chim muông.

Cơn gió to trút sạch lá khô,

Tổ kiến hồng sứt toang đê vỡ.

Vì thế mà chiến công hiển hách vang dội chất đầy như núi, thảm bại của giặc không kể sao cho xiết:

Đô đốc Thôi Tụ lê gôi dâng tờ tạ tội,

Thượng thư Hoàng Phúc trối tay để tự xin hàng.

Lạng Giang, Lạng Sơn, thân chất đầy đường

Xương Giang, Bình Than, máu trôi đỏ nước

Ghê gớm thay! Sắc phong vân phải đổi,

Thảm đạm thay! Ánh nhật nguyệt phải mờ.

Bị ta chặn ở Lê Hoa,

Quân Vân Nam nghi ngờ, khiếp vía mà vỡ mặt

Toàn những kẻ tham sống sợ chết, đê hèn bị ổi, xin hàng trong sự thất bại ê chề, vì nhân nghĩa, quân và dân ta dùng lòng nhân đạo để bao dung kẻ vô nhân. Kể từ ấy, chúng ta yên tâm vì:

Xã tắc từ đây vững bền

Giang sơn từ đây đổi mới

Càn khôn bĩ rồi lại thái

Nhật nguyệt hồi rồi lại minh

Ngàn năm vết nhục nhã sạch làu

Muôn thuở nền thái bình vững chắc

Đất nước từ nay bước sang một trang mới, thời kì của độc lập, tự chủ, của ấm no, hạnh phúc, không còn đâu những cảnh đau thương tan tác, mặt trời như đã tỏ rạng khắp giang sơn. Cuối cùng, Nguyễn Trãi nhắc đến cha ông ta như một sự biết ơn:

Âu cũng nhờ trời đất tổ tông

Linh thiêng đã lặng thầm phù trợ;

Than ôi! Một cỗ nhung y chiến thắng,

Nên công oanh liệt ngàn năm

Bốn phương biển cả thanh bình,

Ban chiếu duy tân khắp chốn.

Bài cáo có giá trị lớn lao, không chỉ thể hiện độc lập, chủ quyền dân tộc trong niềm tự tôn mà còn là tiếng nói yêu nước, yêu dân, tinh thần nhân nghĩa, ý chí quyết tâm đánh đuổi giặc ngoại xâm của con dân Đại Việt.

### **Nghị luận tác phẩm Đại cáo bình Ngô Văn 10 hay nhất mẫu 3**

Nếu “Nam quốc sơn hà” được coi là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc thì “Bình Ngô Đại Cáo” xứng đáng được tôn xưng như bản tuyên ngôn độc lập lần thứ hai. Bằng ngòi bút và tư tưởng vượt trước thời đại của mình, Nguyễn Trãi đã tạo nên một thiên anh hùng ca, vừa có giá trị văn học vừa có giá trị lịch sử sâu sắc.

Nguyễn Trãi không chỉ là một nhà quân sự tài ba, đóng góp quan trọng cho việc thành lập nhà Lê mà ông còn là một nhà thơ với sự nghiệp sáng tác đồ sộ. Ông để lại tiếng thơm cho đời bởi những tư tưởng nhân nghĩa ông gửi gắm trong từng tác phẩm của mình. Tiêu biểu trong số ấy là “Bình Ngô Đại Cáo” ra đời vào mùa xuân

năm 1482, tựa một bản tuyên ngôn hùng hồn của dân tộc. Sau khi kết thúc cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược, Nguyễn Trãi thay vua Lê Lợi thảo bản cáo này để tuyên bố sự thắng lợi của quân và dân ta. Nhan đề tác phẩm có nghĩa là: bài cáo quan trọng tuyên bố về việc dẹp yên giặc Ngô (tên gọi hàm ý khinh bỉ thay cho giặc Minh).

Trước hết, Nguyễn Trãi đặt ra tiền đề lí luận cho những lí lẽ của mình. Ông đi vào khẳng định cốt lõi của tư tưởng nhân nghĩa, lấy dân làm gốc. Nếu trong Nho giáo, nhân nghĩa là mối quan hệ giữa người với người trên cơ sở tình thương và đạo lí thì đến Nguyễn Trãi, ông đã tiếp thu và mở rộng phạm vi nhân nghĩa ra:

“Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân

Quân điều phạt trước lo trừ bạo”

Nhân nghĩa không chỉ là việc làm cho dân hạnh phúc (“yên dân”) mà còn cả việc trừ bạo tàn, diệt những kẻ làm dân khốn đốn (“trừ bạo”). Đây hoàn toàn là một lời khẳng định đanh thép về bản chất của ta và địch: ta chính nghĩa, địch phi nghĩa. Qua đó còn thể hiện sự tuyên bố về quốc gia và chủ quyền. Nguyễn Trãi đã tài tình nêu ra một loạt các dẫn chứng thuyết phục cho chân lí độc lập không thể chối cãi của dân tộc: có nền văn hiến lâu đời, có lãnh thổ riêng, có phong tục phong phú và lịch sử lâu đời,... Song hành với đó, các từ “từ trước”, “đã lâu”, “vốn xưng”, “đã chia” góp phần củng cố thêm sự tồn tại hiển nhiên của đất nước ta. Bản thân Nguyễn Trãi cũng có ý thức về chủ quyền độc lập cao độ khi dùng phép so sánh ngang bằng khi so sánh triều đại Đại Việt ta và triều đại Trung Hoa. Trong khi vua phương Bắc trước nay chỉ gọi vua ta là “Vương” (chức cai quản một vùng đất nhỏ) thì Nguyễn Trãi khẳng khái gọi “Đế” (danh gọi vua của một nước). Chỉ một chữ đó thôi nhưng cũng thể hiện lòng kiêu hãnh của một nước nhỏ về diện tích lãnh thổ nhưng không hề nhỏ về lòng tự tôn dân tộc. Các danh tướng của giặc lần lượt được liệt kê chỉ thêm tô đậm lời cảnh cáo về kết cục của kẻ chống lại chân lí: Lưu Cung thất bại, Triệu Tiết tiêu vong, Toa Đô bị bắt sống,... Tư tưởng nhân nghĩa làm tiền đề cho lời tuyên bố về chủ quyền của một quốc gia và chắc chắn rằng dòng giống con Rồng cháu Tiên sẵn sàng đánh đổi tất cả để giữ vững quyền tự do độc lập đó.

Soi chiếu lí luận vào thực tiễn, hình ảnh nhân dân ta quần quai đau đớn dưới gót giày thống trị của giặc Minh không khỏi khiến người đời xót xa:

“Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn

Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ”.

Nặng thuế khóa sạch ko đầm núi



Vét sản vật, bắt dò chim sẻ, chôn chôn lưới chăng

Nhìn nhân dân, bắt bẫy hươu đen, nơi nơi cạm đặt

Tàn hại cả giống côn trùng, cây cỏ

Tan tác cả nghề canh cửi...

Người bị ép xuống biển, dòng lưng mò ngọc, ngán thay cá mập thuồng luồng.

Kẻ bị đem vào núi, đãi cát tìm vàng, khốn nỗi rừng sâu nước độc.

Nặng nề những nỗi phu phen

Nheo nhóc thay kẻ goá bụa khốn cùng”

Nguyễn Trãi đã vạch trần sự bịp bợm, giả dối của những kẻ cướp nước với ý đồ xâm lược nước ta (“nhân”, “thừa cơ”) mà lại giao giảng những thứ đạo lí lừa đời. Chúng bóc lột nhân dân ta đến kiệt cùng: tàn sát người vô tội, vơ vét tài nguyên, phá hoại môi trường,... Một sự hủy diệt tàn bạo khiến trời đất cũng phải căm phẫn. Hình ảnh phóng đại “Trúc Nam Sơn không ghi hết tội nước Đông Hải không rửa hết mùi” với sự ví von tội ác của giặc trước sự vô cùng vô tận của tự nhiên thêm phần khẳng định tội ác không thể nào gột rửa của kẻ thù. Dường như trong lòng ngực chúng không còn là trái tim, là dòng máu của một con người mà là khối sắt không có cảm giác. Chúng như những con quỷ khát máu lúc nào cũng nhe nanh đi đòi mạng những người dân lành. Câu hỏi tu từ mở ra cũng là lúc thái độ nhân dân phần uất đến cùng cực:

“Lẽ nào trời đất dung tha

Ai bảo thần dân chịu được”

Vũ trụ ngàn năm còn chẳng xuôi lòng trước bàn tay độc ác của quân thù nữa là người dân!

Như một kết quả tất yếu khi nước tràn li, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đã nổ ra, đòi lại hòa bình cho đất nước. Mở đầu là hình tượng vị anh hùng Lê Lợi “áo vải”:

“Ta đây

Núi Lam Sơn dấy nghĩa

Chôn hoang dã nương mình”

Xuất thân từ nông dân, mang theo lòng căm thù giặc sâu sắc, con người tài trí hết mực ấy một lòng thực hiện lí tưởng cao cả. Quên ăn, quên ngủ, cả trong mộng cũng lo việc nước nhà không thành. Những câu văn khắc sâu thêm ý chí, lòng quyết tâm vì đại nghĩa của một vị chủ tướng vừa có tâm vừa có tài, hết lòng vì đại cuộc. Giai đoạn phản công và giành thắng lợi được tác giả sử dụng phép liệt kê nhằm nhấn mạnh thêm không khí chiến đấu sôi sục và sự chiến thắng giòn giã của ta. Đối lập với chiến thắng tất yếu ấy là sự thất bại nhục nhã ê chề của giặc:

“Trần Trí, Sơn Thọ nghe hơi mà mất vía,

Lí An, Phương Chinh nín thở cầu thoát thân.”

Ở giai đoạn hai, quân ta mở chiến dịch tiến quân ra Bắc. Giặc thì huy động tổng lực cố thủ, ta thì hùng hực quyết thắng. Bằng cách nói cường điệu, Nguyễn Trãi đã khiến người đọc có ấn tượng sâu sắc về sự ác liệt của trận chiến, sự thất bại nhục nhã của giặc Minh:

“Ninh Kiều máu chảy thành sông, tanh trôi vạn dặm

Tốt Động thây chất đầy nội, như đống ngàn năm.

Phúc âm quân giặc: Trần Hiệp đã phải bêu đầu.

Một gian kẻ thù: Lí Lượng cũng đành bỏ mạng.”

Nghệ thuật phóng đại (“thây chất đầy nội, như đống ngàn năm”) khiến người đọc có ấn tượng sâu sắc về sự ác liệt của trận chiến cũng như sự bại vong của giặc Minh. Với tấm lòng nhân nghĩa nghìn đời, “Đem đại nghĩa để thắng hung tàn” thì quân và dân ta chọn cách ứng xử nhân đạo với những kẻ cướp nước bại trận:

“Thần vũ chẳng giết hại thể lòng trời ta mở đường hiến sinh,

Mã Kì, Phương Chinh, cấp cho năm trăm chiếc thuyền ra đến bể vẫn hồn bay phách lạc.

Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa về đến nước mà vẫn tim đập chân run.”

Ta không cần phải đuổi cùng giết tận, Nguyễn Trãi thực sự thanh cao khi biết việc bây giờ không phải khiến mất thêm bất kì sinh mạng nào mà cần tập trung lo cho binh sĩ, lo cho nhân dân sau những ngày binh đao dòn dập.

Niềm tin của nhân dân sau những ngày đại thắng thêm vững mạnh. Nguyễn Trãi thay mặt vua Lê, tuyên cáo với toàn thiên hạ rằng đất nước đã hòa bình, mở ra một kỉ nguyên mới của dân tộc – kỉ nguyên độc lập, tự do:

“Xã tắc từ đây vững bền

Giang sơn từ đây đổi mới.”

Giọng điệu vô cùng hào sảng, hình ảnh về tương lai đất nước chưa bao giờ ngời sáng hơn thế. Vua dân chung một lòng lạc quan về sự nghiệp xây dựng đất nước. Vậy là trên mọi miền quê, dưới mỗi mái nhà, độc lập, tự do và sự yên bình đã thực sự trở lại. Cuối cùng, Nguyễn Trãi không quên nhắn gửi lời biết ơn chân thành tới ông cha ta:

“Âu cũng nhờ trời đất tổ tông

Linh thiêng đã lạng thăm phù trợ”

Thật vậy, “Bình Ngô Đại Cáo” là một áng văn chương hùng tráng, với hơi văn cuộn cuộn.” Tác phẩm ngùn ngụt chí khí khẳng định chân lí độc lập của dân tộc và lời tuyên bố thành lập triều đại mới. Lòng yêu nước, chiến thuật quân sự đúng đắn đã khiến quân thù phải khiếp sợ mà lui. Nguyễn Trãi bằng ngòi bút điêu luyện của mình, đã vận dụng tài tình thể cáo, kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất chính trị và chất văn chương. Biện pháp liệt kê, phóng đại cũng được đan xen triệt để, tạo nên những hiệu quả nghệ thuật thật tuyệt vời.

“Bình Ngô Đại Cáo” thực sự là một áng thiên cổ hùng văn. Qua đó, Nguyễn Trãi thể hiện rõ ý chí quyết tâm bảo vệ độc lập chủ quyền độc lập dân tộc, khẳng định truyền thống yêu nước ngàn đời.

### **Bài văn mẫu lớp 10 Nghị luận tác phẩm Đại cáo bình Ngô mẫu 4**

Nguyễn Trãi là một nhà văn lỗi lạc của văn học Việt Nam, ông đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị, một trong những tác phẩm đặc sắc của ông phải kể đến "Bình Ngô đại cáo" ra đời vào mùa xuân năm 1482 - một áng thiên hùng cổ hùng văn của dân tộc.

Sau khi kết thúc cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược, Nguyễn Trãi đã thay vua soạn "Bình Ngô đại cáo" để tổng kết cuộc kháng chiến chống quân Minh, tuyên bố nền độc lập của dân tộc. Nhan đề tác phẩm có ý nghĩa thông cáo đến toàn dân về việc dẹp yên, quét sạch giặc Ngô trên đất Việt.

Để mở đầu cho bài cáo của mình, Nguyễn Trãi đã khẳng định tư tưởng nhân nghĩa. Theo tác giả, tư tưởng nhân nghĩa ở đây là lấy nhân dân làm gốc, việc nhân nghĩa chính là việc làm thế nào để dân được yên, được hưởng thái bình.

"Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân

Quân điều phạt trước lo trừ bạo"

Muốn "yên dân" thì điều tiên quyết là phải "trừ bạo", diệt những kẻ hung tàn gây đến khổ sở, đốn đau cho muôn dân. Việc đề cao tư tưởng nhân nghĩa không chỉ thể hiện chiến lược, tầm nhìn đúng đắn, sâu sắc của Nguyễn Trãi mà còn đặt ra trách nhiệm trừ bạo, yên dân của quân điều phạt.

Sau khi nêu lên luận đề chính nghĩa không ai có thể phủ định được, tác giả tiếp tục khẳng định về quốc gia và chủ quyền của nhân dân Đại Việt:

"Như nước Đại Việt ta từ trước

Vốn xưng nền văn hiến đã lâu.

Núi sông bờ cõi đã chia,

Phong tục Bắc Nam cũng khác.

Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời gây nền độc lập,

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.

Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau,

Song hào kiệt đời nào cũng có".

Tác giả khẳng định chủ quyền dân tộc mình theo một lý lẽ riêng, lý lẽ ấy thật không thể chối cãi được bởi nó được minh chứng bằng nền văn hiến lâu đời, bằng lãnh thổ quốc gia, bằng phong tục, tập quán phong phú lâu đời và lịch sử kéo dài bao triều đại,... Nguyễn Trãi cũng đã khéo léo đặt các triều đại của nước ta ngang hàng với các triều đại của Trung Quốc như Hán, Đường, Tống, Nguyên. Song hành với đó, các từ "từ trước", "đã lâu", "vốn xưng", "đã chia" góp phần củng cố thêm sự tồn tại độc lập, lâu dài của Đại Việt trong lịch sử. Trong khi vua phương Bắc trước nay chỉ gọi vua ta là "Vương" thì Nguyễn Trãi khẳng khái, hùng hồn gọi là "Đế". Chỉ một chữ thôi cũng đủ để thể hiện lòng kiêu hãnh của một nước tuy nhỏ về lãnh thổ nhưng không bao giờ là kẻ thua cuộc về lòng tự tôn, tự hào dân tộc.

Không chỉ vậy, đất Việt còn là nơi sinh ra bao nhân tài, hào kiệt làm nên những chiến công lịch sử vẻ vang:

"Tuy mạnh, yếu nhiều lúc khác nhau

Song hào kiệt đời nào cũng có".

Để minh chứng cho sức mạnh dân tộc, tác giả tiếp tục dẫn chứng những thất bại của phe phi nghĩa khi xâm chiếm nước ta:

" Thế nên:

Lưu Cung tham công nên thất bại

...

Việc xưa xem xét, chớ có còn ghi".

Đó cũng là lời cảnh cáo về kết cục thảm hại của kẻ ác chống lại chân lí: Lưu Cung thất bại, Triệu Tiết tiêu vong, Toa Đô bị bắt sống. Nỗi ô nhục của quân giặc năm xưa vẫn còn đó, vậy mà chúng vẫn ngang tàng đến xâm phạm nước ta lần nữa:

" Vừa rồi:

Nhân họ Hồ chính sự phiền hà

Để trong nước lòng dân oán hận

Quân cuồng Minh thừa cơ gây loạn..."

Sự tàn nhẫn, ác độc của chúng đã gây nên bao đau khổ, làm than cho nhân dân mình. Những lời thơ vừa xót xa, vừa căm phẫn vang lên:

"Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn

Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ

Dối trời lừa dân đủ muôn ngàn kế

Gây thù kết oán trải mấy mươi năm

Bại nhân nghĩa nát cả đất trời

...

Chân tay nào phục dịch cho vua"

Quân giặc tàn độc, áp bức nhân dân ta khắp chốn, thì hành những thứ thuế hà khắc, bóc lột dân ta đến cùng cực. Đến cả thiên nhiên, ngọn cỏ, lá cây, côn trùng, ...cũng bị chúng hủy hoại, tàn phá. Chúng còn buộc nhân dân Đại Việt phải phục dịch chúng, còn tội ác nào bất nhân hơn thế nữa? Bao nhiêu cay đắng, nhọc nhằn muôn dân phải chịu đựng, nếm trải, người goá bụa, con không cha, mẹ già mất con,....những con quỷ khát máu người ấy khiến đời sống nhân dân nào được một ngày ăn ổn, nào được một ngày ấm no. Bọn giặc ngạo mạn kia chính là những kẻ tội đồ "trời không dung, đất không tha":

"Độc ác thay, trúc Nam Sơn không ghi hết tội,

Dơ bẩn thay, nước Đông Hải không rửa sạch mùi!".

Sau khi vạch trần tội ác của quân thù và nỗi khổ đau của nhân dân, Nguyễn Trãi thấy lời Lê Lợi nói lên nỗi băn khoăn, trăn trở của một vị vua hết lòng vì dân:

"Ta đây:

Núi Lam Sơn dấy nghĩa

Chốn hoang dã nương mình

Ngãm thù lớn há đội trời chung

...

Chính lúc quân thù đang mạnh."

Cuộc chiến với quân thù buổi đầu còn bao khó khăn, người tài thì hiếm, lực lượng ta còn yếu, quân lương hạn chế. Trong khi đó, kẻ địch thì đang lúc mạnh, khó khăn lại càng khó khăn. Song, sức mạnh đoàn kết, tinh thần chiến đấu của nghĩa sĩ, binh lính cùng chiến lược khôn khéo, biết người, biết ta của lĩnh tướng và sự đồng lòng của nhân dân đã giúp nghĩa quân vượt lên tất cả. Cuộc chiến chính nghĩa ngày càng quyết liệt, hăng say:

"Sĩ khí đã hăng quân thanh càng mạnh.

Trần Trí, Sơn Thọ nghe hơi mà mắt vía,

Lý An, Phương Chính, nín thở cầu thoát thân.

....

Đề cười cho tất cả thế gian."

Trước sức mạnh của quân dân ta, quân giặc hoang mang, rệu rã, quân tướng nhà Minh đón hèn mà tìm cách thoát thân. Cuối cùng, quân phi nghĩa thành kẻ thua cuộc, cường quyền của phi nghĩa không thắng được sức mạnh to lớn của chính nghĩa.

Quân giặc vắng bóng, đất nước ta được độc lập, xã tắc nay được ổn an, nhân dân được yên tâm làm ăn, tăng gia sản xuất. Lời tuyên bố lừng lẫy vang lên đầy thiêng liêng trong giây phút tự hào:

"Xã tắc từ đây vững bền

Giang sơn từ đây đổi mới

Càn khôn bĩ rồi lại thái

Nhật nguyệt hối rồi lại minh

Ngàn năm vết nhục nhã sạch làu

Muôn thưở nền thái bình vững chắc."

Đại Việt bước sang một trang mới, tăm tối quân thù không còn nữa, thay vào đó là ánh sáng của tự do, của thái bình. Niềm tin vào tương lai thái bình, thịnh trị ngàn năm của quốc gia mà tác giả gửi gắm cũng chính là lời thôi thúc mỗi người dân phải có trách nhiệm với đất nước mình. Hãy góp sức vào công cuộc bảo vệ và xây dựng nền thịnh trị của Đại Việt ngàn năm.

Cuối bài cáo, tác giả không quên gửi đến người xưa, đất trời linh thương lòng biết ơn sâu sắc:

"Âu cũng nhờ trời đất tổ tông

Linh thiêng đã lặn thềm phù trợ;

Than ôi! Một cỗ nhưng y chiến thắng,

Nên công oanh liệt ngàn năm

Bốn phương biên cả thanh bình,

Ban chiếu duy tân khắp chốn."

Với Bình Ngô đại cáo, tác giả Nguyễn Trãi không chỉ tổng kết cuộc kháng chiến chống Minh nhiều gian khổ nhưng cũng không kém phần hiển hách, vinh quang của quân dân ta mà còn khẳng định được nền độc lập, chủ quyền dân tộc trong niềm tự hào. Bình Ngô đại cáo là áng thiên cổ hùng văn vô tiền khoáng hậu của nền văn học Việt Nam, là bức tượng đài chiến thắng hào hùng, hoành tráng giữa bầu trời đất Việt.